

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

Tập 231

Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Minh Tâm

Thời gian: 24.12.2010

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội – Hongkong

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, mời ngồi xuống! Mời quý vị xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 285, bắt đầu xem kinh văn, hàng thứ tư từ dưới đếm lên.

“Ngã tác Phật thời, sanh ngã quốc giả, thiện căn vô lượng, gia đắc kim cang na la diên thân, kiên cố chi lực. Thân đĩnh giai hữu quang minh chiếu diệu, thành tựu nhất thiết trí tuệ, hoặc đắc vô biên biện tài, thiện đàm chư pháp bí yếu, thuyết kinh hành đạo, ngữ như chung thanh, nhược bất nhĩ giả, bất thủ chánh giác”.

Hôm qua chúng tôi giảng đến phần mở đầu của đoạn này, hôm nay chúng tôi giảng tiếp, và đọc lại kinh văn một lần nữa. Chúng ta xem chú giải của Hoàng Niệm Lão: “Chương bên phải”, trong chương kinh văn này có ba nguyện. “Người sanh vào nước ta, thiện căn vô lượng”, hai câu này là tổng kết, chính là nói ba việc ở dưới, ba việc đều là vô lượng thiện căn.

“Thiện căn nghĩa là thiện của ba nghiệp thân khẩu ý kiên cố không thể bạt trừ, cho nên gọi là căn”. Thiện vì sao gọi là căn? Ba điều thiện chính là thân khẩu ý, trên thực tế là thập thiện nghiệp đạo. Ba câu đầu tiên của thập thiện nghiệp đạo là không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, đây là cái thiện của thân. Chữ “dâm” này, theo nghĩa hẹp là nói vấn đề giữa nam và nữ, theo nghĩa rộng nghĩa là tất cả mọi việc làm quá đáng đều gọi là dâm. Bất luận sự việc gì, dâm tức là quá đáng hiểu hai ý này, mới hiểu được hàm nghĩa của Phật pháp sâu rộng vô cùng.

Khẩu nghiệp là không vọng ngữ, không lưỡng thiệt, không ý ngữ. Ý ngữ là nói lời ngon ngọt gạt người, không ác khẩu, ác khẩu là nói lời rất khó nghe, rất dễ đắc tội người khác, có câu: “khẩu là cánh cửa của họa phước”. Bản thân vô ý, người khác nghe là có ý, ghi hận trong lòng, oan oan tương báo, đòi đòi kiếp kiếp không bao giờ dứt. Khi tạo nghiệp rất dễ, khi thọ báo khổ vô cùng, không phải Phật pháp nói với chúng ta, làm sao chúng ta biết được!

Ý có ba điều thiện chính là không tham, không sân, không si.

Thập thiện có mười điều như thế, nếu giảng tường tận mười điều này. A ha hán là tiểu thừa, giảng tường tận mười điều này thành 3000 điều, gọi là 3000 oai nghi.

Quý vị xem triển khai nó quả là vô lượng vô biên, quy nạp lại chỉ có mười điều này. Bồ Tát càng rộng hơn, Bồ Tát nói càng tỉ mỉ, càng tường tận hơn, nói thành tám vạn bốn ngàn tế hạnh. Có như vậy thật ư? Không chỉ bao nhiêu đó, tám vạn bốn ngàn tế hạnh là quy nạp. Nếu nói đến viên mãn, tất cả Như Lai trong ba đời mười phương đều nói, nói đến vô lượng kiếp cũng không nói hết. Lời này là thật, hiện nay chúng ta có thể lãnh hội, có thể hiểu.

Trong Kinh Hoa Nghiêm nói rất rõ ràng, hết thảy chúng sanh khởi tâm động niệm đều thuộc ba loại chu biến, điều này quốc sư Hiền Thủ nói trong Hoàn Nguyên Quán. Chúng ta đã học hai lần Hoàn Nguyên Quán, đó là triết học cao cấp, khoa học cao cấp. Cho nên đối với Phật pháp, ngày nay chúng ta có lý do tin rằng, theo tôi khoảng hai ba mươi năm sau Phật pháp không phải tôn giáo. Tôn giáo diệt vong, không còn tồn tại ở thế gian, nhưng Phật pháp tồn tại. Phật pháp là gì? Phật pháp là khoa học cao cấp, triết học cao cấp.

Ngày nay kết luận mà các nhà khoa học nghiên cứu đạt được, hoàn toàn giống với Phật pháp đại thừa nói. Thế giới hồng quan, nghiên cứu vật lý hư không, nói đến biên tế của vũ trụ giống với Phật pháp nói. Kết luận của họ nói khoa học kỹ thuật có thể quan sát được 10% của toàn vũ trụ, còn 90% không nhìn thấy. Chúng ta hiểu những gì họ nói, vì sao không thấy? Chúng ta biết, trong kinh Đức Phật nói nó trở về tự tánh. Tự tánh không phải vật chất, cũng không phải tinh thần, cho nên không thể thấy được nó. Dùng phương pháp gì để kiến tánh? Buông bỏ vọng tưởng phân biệt chấp trước sẽ kiến tánh. Các nhà khoa học chưa buông bỏ, hoàn toàn dùng đệ lục ý thức.

Thế giới vi quan, họ thấy được A lại da, tam tế tướng của A lại da. Nghiệp tướng của A lại da, ngày nay khoa học gọi là định luật đàn hồi, chấn động. Nghiệp tướng của A lại da chính là động, nhất niệm bất giác là chấn động, chấn động cực kỳ vi tế. Mà tốc độ vô cùng nhanh, nghĩa là tần suất rất cao. Chuyển tướng của A lại da chính là năng biến, cảnh tướng của A lại da chính là sở biến, không dễ! Giới khoa học cận đại thành tựu điều này, hoàn toàn thực hiện những gì trong kinh Phật nói.

Dùng ý thức quan sát hết thảy pháp thế xuất thế gian, Đức Phật nói bên ngoài có thể quan sát được biến pháp giới hư không giới, bên trong có thể quan sát được A lại da. Duy nhất không thể kiến tánh, vì nó là vọng tâm, vọng không thấy được chân. Tự tánh là chân tâm, chân có thể thấy vọng, vọng không thấy được chân. Cần phải buông bỏ vọng tưởng phân biệt chấp trước, nó liền hiện tiền, thật sự hiện tiền. Các nhà khoa học đến được cảnh giới này, ranh giới thành Phật. Nếu họ quay đầu buông bỏ tất cả, lập tức minh tâm kiến tánh.

Những thành tựu của khoa học hiện nay, giúp ích rất lớn cho người học Phật chúng ta. Vì ngày xưa chỉ có nhập định, nhập vào thiền định thâm sâu, đó không phải

tứ thiên bát định, cũng không phải định trong mười pháp giới. Tứ thiên bát định là của lục đạo, thiên định xuất thế gian thông thường là nói đến tứ thánh pháp giới: Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát, Phật, Phật của mười pháp giới.

Định pháp thân Bồ Tát đạt được là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, nghĩa là khởi tâm động niệm đều buông bỏ hết. Không khởi tâm không động niệm, chúng ta không thể lãnh hội được cảnh giới này. Cảnh giới không khởi tâm không động niệm là gì? Là cảnh giới của Pháp thân Bồ Tát.

Hôm nay trong đoạn kinh văn này chúng ta đọc được 48 nguyện của Phật A Di Đà, 48 nguyện chính là cảnh giới không khởi tâm không động niệm. Chúng đã đọc, đọc nhưng vẫn khởi tâm động niệm. Hay nói cách khác, ngày nay chúng ta đã đọc, chỉ biết cái vẻ bên ngoài của 48 nguyện, chưa tiếp xúc đến cốt lõi của 48 nguyện. Pháp thánh hiền của thế xuất thế gian, đều phải hiểu nguyên lý này, không có tâm chân thành, dù Phật Bồ Tát hay thánh nhân đến dạy, cũng chỉ được vẻ bên ngoài- thường thức. Chúng ta không thể khế nhập, không thể được lợi ích. Muốn đạt được lợi ích của thánh hiền và Phật Bồ Tát, vậy thì phải buông bỏ. Ở trước kinh này chúng ta thấy, đầu tiên là buông bỏ thân kiến, trong kinh nói rất rõ ràng, là những gì hôm qua chúng ta đọc được. “Thân kiến đứng đầu trong các loại kiến hoặc, chưa đoạn kiến hoặc là không thể vào dòng thánh, chắc chắn trầm luân sanh tử, không có ngày ra khỏi”. Điều này trong kinh nói rất rõ ràng, ta còn chấp trước thân này là ta, không thể ra khỏi luân hồi lục đạo, không vào được cửa Phật.

Ngày nay chúng ta học Phật, dù công phu cao đến mấy, học tốt đến đâu, thiên nhân tán thán, cũng chỉ là học sinh mẫu giáo của Phật giáo, chưa vào lớp một. Ai vào được lớp một? Người đã buông bỏ thân kiến, không còn, nghĩa là đoạn tận năm loại kiến hoặc. Đoạn thân kiến và biên kiến, biên kiến là đối lập. Không đối lập với người, không đối lập với sự, không đối lập với tất cả vạn vật. Không có ý niệm đối lập là phá biên kiến, sau đó phá kiến thủ kiến, phá giới thủ kiến. Hai loại này chúng ta thường gọi là thành kiến, người bây giờ gọi là quan niệm chủ quan: tôi cho rằng như thế như thế....

Thành kiến về nhân, Phật pháp gọi là giới thủ kiến, thành kiến về quả gọi là kiến thủ kiến. Không có thành kiến, nghĩa là không có ý kiến, không có ý kiến mới có thể tùy duyên, hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, mới có chân trí tuệ. Nếu có thành kiến, thành kiến là phiền não, là chấp trước, chấp trước một cách kiên cố. Sau cùng còn có một điều, phạm những gì trái với tự tánh gọi là tà kiến.

Đoạn tận tất cả năm loại kiến giải sai lầm này, mới vào cửa Phật, tiểu thừa chứng quả Tu đà hoàn, đại thừa trong Kinh Hoa Nghiêm thập tín vị Bồ Tát, ta là Bồ Tát sơ tín vị, lớp một tiểu học. Chúng ta thường gọi là tiểu tiểu thánh, tiểu tiểu thánh cũng rất khó được. Tuy họ chưa lìa luân hồi lục đạo, nhưng tuyệt đối không đọa vào ba đường

ác. Vì sao vậy? Vì họ chứng được bất thoái đầu tiên là vị bất thoái, địa vị của họ không thoái chuyển. Họ chỉ ngày càng nâng cao địa vị, không còn bị thoái về sau. Đây mới gọi là thánh nhân, gọi là dòng thánh. Tiểu thừa sơ quả trở lên, đại thừa sơ tín vị Bồ Tát, đích thực là như thế, không sai chút nào.

Trong Phật pháp có hai hạng người rất dễ thành tựu, là thượng trí và hạ ngu. Hàng thượng thượng căn nghe một biết mười, là ai? Đại sư Huệ Năng thời nhà Đường, là hàng thượng thượng căn, không được học hành, Ngài vừa nghe liền đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, lập tức siêu việt 41 quả vị Bồ Tát. Sau khi khai ngộ, ngài thông đạt tất cả, không có gì không biết. Tất cả kinh điển Đức Phật nói trong suốt 49 năm, chỉ cần đọc cho ngài nghe, ngài liền giảng giải cho ta nghe. Có thể đem những chướng ngại của người học bộ kinh này, giúp họ phá mê khai ngộ, giúp họ chứng quả.

Đại sư Thiện Đạo nói rất có lý, chúng ta không được tự xem thường mình. Chúng ta có thể thành Phật ngay trong đời này hay không, thành pháp thân Bồ Tát ngay trong đời này hay không? Đại sư Thiện Đạo nói: Được. Nhưng có một điều kiện là “do gặp nhân duyên không giống nhau”, xem ta gặp duyên gì. Nếu gặp thượng thượng duyên, ta sẽ có thượng thượng thành tựu, gặp nhân duyên khác nhau, điều này nói rất hay!

Phàm phu vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, có thể đạt được hoa khai kiến Phật, vừa vãng sanh là hoa khai kiến Phật, đó là địa vị gì? Là Hoa Nghiêm viên giáo sơ trụ trở lên. Nghĩa là nói trong đời này ta có thể đạt được cảnh giới giống như ngài Huệ Năng vậy, gặp duyên! Nhưng họ dùng là Tịnh độ, sự thù thắng của Tịnh độ không ai có thể nói ra được, cho nên gọi là pháp khó tin.

Cư sĩ Hoàng Niệm Lão là người bạn đạo rất tốt của chúng tôi, ông là Kim Cang thượng sư của Mật tông. Khi hai chúng tôi gặp nhau, ông nói với tôi từ khi thành lập nước nhân dân cộng hòa đến nay_ ông tu Mật tông, tu mật tông thành tựu chỉ có sáu người, nương vào mật pháp thành tựu. Nương vào Tịnh độ thành tựu, tuyệt đối không chỉ sáu vạn người, điều này đã nói rõ ràng tất cả.

Thầy của ông, cư sĩ Hạ Liên Cư là Bồ Tát tái sanh, đã truyền pháp này cho ông, chúng ta đã gặp được nhân duyên thù thắng này. Nhưng ngày nay chúng sanh nghiệp chướng sâu nặng, tuy là Phật Bồ Tát truyền pháp, cũng rất khó được lợi ích, nguyên nhân là gì? Vì nghiệp lực của mình quá nặng, nghiệp chướng nghiêm trọng nhất là gì? Là bất kính, tức là bất hiếu, bất kính, vấn đề này hiện nay phổ biến khắp thế giới, không ai dạy. Bất hiếu cha mẹ, bất kính sư trưởng, điều đầu tiên của Tịnh Nghiệp Tam Phước nói: “hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng”. Không phải thầy muốn ta kính trọng, thầy giáo đó không phải thầy giáo tốt. Không phải thầy muốn ta kính, kính là tánh đức của mình, tánh đức của ta hiển lộ ra, nó tự nhiên vốn là như thế. Không những ta phải kính thầy, mà phải kính tất cả mọi người. Quý vị xem sách của Nho

Giáo, mở Lễ Kỳ ra câu đầu tiên nói: “Khúc Lễ viết: vô bất kính”. Tất cả đều phải cung kính, đối với côn trùng kiến gián cũng phải cung kính, chúng ta phải chấp tay xưng Bồ Tát. Cây cỏ hoa lá, sơn hà đại địa đều cung kính hết.

Giáo hoàng của Thiên chúa giáo, mỗi lần đến nơi trước đây chưa từng đến, ông nằm xuống đất để hôn đại địa, chí kính đối với đại địa. Không có gì không cung kính, ông đã thể hiện ra điều này, thành kính chính là cửa vào Phật. Ngày nay chúng ta không tôn trọng kinh giáo, không để trong mắt. Phật Bồ Tát đến nói ta cũng nghe không hiểu, những gì hiểu được chỉ là vỏ bên ngoài, là thường thức. Không có tâm cung kính, hiện nay là hiện tượng phổ biến khắp thế giới, vì vậy địa cầu mới có thiên tai lớn, nguyên nhân là như vậy. Các bậc thánh hiền thế xuất thế gian dạy những gì? Không dạy gì khác ngoài dạy một chữ thành, một chữ kính. Đây là sự thật hoàn toàn chính xác.

Tôi ở Đài Trung học giảng sư, học kinh điển. Đến Đài Trung vốn là muốn nghe kinh, học Phật pháp, không dám phát tâm học giảng kinh. Đây là sự nghiệp của thánh hiền nhân, chúng tôi không dám khởi ý niệm này. Thầy khuyên tôi rằng, hôm nay lớp giảng sư có tiết học, lớp giảng sư thầy Lý mở có hơn 20 học viên, đều là học giảng kinh. Một tuần chỉ có một tiết ba tiếng đồng hồ, không phải ngày nào cũng học, thầy không có nhiều thời gian. Cho nên một năm chỉ học khoảng hơn 40 tiết, khoảng 45 tiết, còn những ngày lễ tết cũng mất rất nhiều thời gian. Trên thực tế một năm chỉ học khoảng 45 tiết, một tiết ba tiếng đồng hồ.

Tôi đến Đài Trung thân cận thầy, lớp học đó mới mở một tháng, cho nên tôi chỉ thiếu bốn tiết đầu tiên không được nghe, tiết học thứ năm thầy muốn tôi tham dự. Thầy nói em cứ đến xem thử, tôi đồng ý, tôi đến ngồi ở sau cùng dự thính. Sau khi học xong tiết học đó, tôi nói với thầy em cũng muốn tham gia. Ban đầu rất lo sợ, không có lòng tự tin, không ngờ thấy những học viên trong lớp có thể nói một nửa trình độ không bằng tôi. Họ đều có thể học, sao tôi không thể. Trong này người động viên chúng tôi lớn nhất là cư sĩ Lâm Khán Trị, bà đã 60 tuổi, tốt nghiệp tiểu học, cũng tham gia lớp học này. Chúng tôi mới 30 tuổi, tuổi tác bằng nửa bà, tôi mới 30 tuổi, tốt nghiệp cấp hai. Bà 60 tuổi, tốt nghiệp tiểu học, đều có gan tham gia lớp học này. Bà nói rất hay, pháp duyên thù thắng, điều này động viên rất lớn cho chúng tôi.

Giống như cổ nhân nói, thiên hạ không có việc gì khó, chỉ sợ người có tâm. Hình ảnh cư sĩ Lâm Khán Trị là niềm khích lệ rất lớn cho tôi, thấy bà như thế tôi không còn gì để nói. Cho nên mới chính thức xin thầy tham gia lớp học này, tôi là học sinh ghi danh sau cùng trong lớp học này. Thầy chiếu theo báo danh trước sau, tôi sắp sau cùng. Nhưng trong lớp tâm cung kính của tôi đối với Phật pháp, đối với thầy hơn hẳn họ, cho nên thành tích cũng hơn mọi người. Điều này không phải là ta đọc nhiều hay

học nhiều, không liên quan đến điều này. Chân thành, cung kính liên quan rất lớn đến điều này.

Đây là nói đến căn, căn nói ở đây chúng ta không thể không biết.

Bên dưới đại sư La Thập nói: “Thiện tâm kiên cố”. Có thiện tâm nhất định có lời nói thiện, nhất định có hành vi thiện, vì thế thiện tâm bao gồm cả thân khẩu ý. “Sâu không thể bạt trừ”, đây là căn, căn này có nhân trong đời quá khứ, gọi là túc căn, nhưng có quan hệ rất lớn với đời này. Đời này, đời này phải bồi dưỡng từ nhỏ, bồi dưỡng điều gì? Dưỡng hiếu tâm, dưỡng hiếu thuận cha mẹ, tôn kính trưởng bối, điều này nuôi dưỡng từ nhỏ. Đời trước có túc căn, đời này phải bồi dưỡng từ nhỏ, như vậy căn này quả thật sâu không thể bạt trừ. Chút thiện căn này của tôi cũng là bồi dưỡng như thế, chúng tôi sanh trưởng ở nông thôn, mười tuổi mới rời xa nông thôn đến ở thành thị. Căn này đều là dưỡng thành lúc ở nông thôn, người nông thôn rất ít đọc sách, nhưng tâm địa đều rất lương thiện thuần hậu, điều này người thành phố thua xa. Người thành phố được học hành thông minh khéo léo, nhưng chúng ta nói đến thiện căn, thì sự thuần hậu của họ thua xa người nông thôn.

Từ nhỏ chúng tôi không dám trái lệnh cha mẹ, không dám không tôn trọng người lớn, từ nhỏ đã tiếp thu sự quản giáo nghiêm khắc này. Khi chúng tôi còn nhỏ, ra bên ngoài chơi đùa làm sai chuyện gì, không chỉ cha mẹ trách phạt, cha mẹ không có đó thì người đi đường, người đi qua đó nhìn thấy đều có thể la mắng chúng tôi, trẻ con chúng tôi đều rất cung kính ngoan ngoãn nghe lời. Cha mẹ thấy thế đến cảm ơn, xin lỗi người qua đường đó. Từ đây quý vị có thể tưởng tượng được nếp sống trong xã hội thời đó.

Hiện nay trẻ con như thế nào? Không nghe lời cha mẹ dạy, người ngoài càng không cần nói. Không những không tiếp thu, chúng còn phản kháng, trong tình hình này có dám dạy chẳng? Không dám dạy. Thầy không dám dạy học sinh, vì sao vậy? Vì không muốn kết oán thù với học sinh. Chúng không muốn tiếp thu thì thôi, ta hà tất tự tìm phiền phức! Điều này thầy Lý nói với tôi. Lớp học kinh của chúng tôi có hai học viên, thầy rất khách sáo với họ. Chúng tôi đều cảm thấy rất kỳ lạ, không biết vì sao thầy rất khách sáo với hai người này? Nhưng cũng không hề hỏi thầy. Tuy vậy đối với những người nỗ lực học tập thầy có đánh có mắng, đối với hai người này lại rất khách sáo, chúng tôi cảm thấy rất kỳ lạ. Một hôm thầy gọi tôi đến phòng nói với tôi, hai người đó là đến nghe giảng, không phải đến học. Nếu nói lỗi của họ, mặt liền đỏ lên, người như vậy không nên nói, nói là kết oán, lúc này tôi mới hiểu ý thầy. Cho nên chúng tôi mới thật sự hiểu, cổ nhân nói một phần cung kính dạy một phần, hai phần cung kính dạy hai phần, mười phần cung kính dạy mười phần, không cung kính không thể dạy. Thầy thấy tâm cung kính của chúng ta, biết ta có thể tiếp thu bao nhiêu, thì dạy ta bấy nhiêu. Dạy nhiều ta không tiếp thu hết, trôi mất, còn như dạy ít thì có lỗi

với quý vị, đây gọi là khế cơ. Quán cơ bằng cách nào? Hoàn toàn xem cách xử sự đối nhân tiếp vật, quý vị có mấy phần tâm cung kính.

Khi tôi học triết học với thầy Phương, tôi chỉ biết thầy là một giáo thọ rất nổi tiếng, là người cùng quê, đồng hương của chúng tôi. Ông là hậu duệ của phái Đồng thành, quê nhà chúng tôi thuộc phái Đồng thành, cách Đồng thành 25 cây số, rất gần nên nhận đồng hương với thầy. Muốn đến dự thính giờ học của thầy, liền viết một lá thư và một bài văn gửi cho thầy xem. Thầy trả lời thư, hẹn tôi đến nhà thầy gặp. Hôm gặp mặt đã quyết định, không để tôi đến trường dự thính, chủ nhật hàng tuần dạy cho tôi hai tiếng ở nhà thầy, dạy một tiết học hai tiếng. Tôi học triết học với thầy bằng cách này, nơi chiếc bàn tròn trong phòng khách nhỏ ở nhà Thầy, một thầy một trò, chúng tôi đã học như thế. Chúng tôi vốn không hề quen biết! Sau đó suy nghĩ đây là nguyên nhân gì? Là nhờ sự cung kính. Tôi viết cho thầy lá thư bằng chữ khải rất quy củ, và một bài văn hơn 2000 chữ, viết bằng bút lông rất nghiêm chỉnh, không có chữ nào viết láu, tôi nghĩ chắc là đó nguyên nhân. Thầy dạy học nhiều năm như thế, có thể chưa thấy học sinh nào cung kính như vậy, cho nên đặc biệt dành thời gian để dạy tôi. Mãi đến lúc thầy qua đời, năm 1977 tôi giảng kinh ở HongKong, tôi nhận được tin tức thầy đã qua đời. Ba ngày sau tôi giảng kinh ở đây xong, liền trở về Đài Loan tham dự lễ truy điệu của thầy. Trong lễ truy điệu nghe Tần Lý Nghi báo cáo tôi mới biết, ông là thầy của Tưởng Giới Thạch. Nếu tôi biết sớm điều này chắc không dám đến gần, không dám thân cận người này. Tôi theo học với thầy hơn 20 năm, thầy chưa từng nói đến điều này. Gặp mặt không phải dạy học thì cũng nói đến những điều trong cuộc sống hằng ngày. Cựu tổng thống và Tưởng Kinh Quốc đều là học trò của thầy. Quý vị sẽ hiểu, thành kính quan trọng biết bao nhiêu.

Tôi gặp được ba người thầy, họ đều đặc biệt dạy tôi, đại sư Chương Gia cũng vậy. Tôi học Phật với đại sư Chương Gia, đây là một trong tứ đại Lạt ma của Tạng truyền, đều là học trò của đại sư Tibetan. Tây Tạng có hai vị là Đạt lai và Ban thiền, Mông cổ có hai vị là Chương Gia và Triết Bố Tôn Đan Ba. Bốn vị Lạt ma này, chỉ có một mình Chương Gia ở Bắc Kinh, là thân phận quốc sư. Các đế vương thời nhà Thanh đều học theo ông, bất kỳ vấn đề gì cũng đến thỉnh giáo.

Đại sư Chương Gia cũng dạy tôi như thế, một tuần hai tiếng, chủ nhật hàng tuần đều đến chỗ đại sư. Tôi học với ông ba năm, ông còn là người đặt nền tảng Phật pháp cho tôi. Tôi xuất gia là ông mệnh lệnh, ông dạy tôi xuất gia, dạy tôi học Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Tôi chính thức tiếp xúc Phật pháp, xem cuốn sách đầu tiên là đại sư Chương Gia đưa, truyện ký Đức Phật Thích Ca. Thích Ca Phổ và Thích Ca Phương Chí trong Đại Tạng Kinh. Ông nói với tôi, học Phật trước tiên phải nhận thức về Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, học tập theo ngài. Nếu không biết về ngài, ta rất dễ đi sai đường, đi lệch lạc, chúng ta thường nói là đi đường vòng.

Bởi vậy tôi mới biết được, Đức Phật vốn là một vương tử, thiếu niên đa tài đa nghệ lại hiếu học. 19 tuổi rời xa cung vàng điện ngọc để đi tham học, tất cả cao nhân của các tôn giáo và học thuật của Ấn độ đều đến thân cận, đúng là quảng học đa văn. Về sau chúng tôi thâm nhập kinh tạng mới biết, đây là Đức Phật làm gương cho chúng ta thấy, cho ai thấy? Cho phần tử tri thức đương thời thấy, ngài chuyên để cho hạng người này thấy. Không phải quý vị quảng học đa văn ư? Tôi cũng quảng học đa văn, quý vị thấy tôi đã thành tựu như thế nào. Thành tựu ra sao? Đến sau cùng, ngài ngồi dưới cội bồ đề, dưới cây tất bát la, về sau gọi là cây bồ đề. Ngài buông bỏ tất cả những gì đã học trong suốt 12 năm qua, 19 tuổi bắt đầu học cho đến 30 tuổi, buông bỏ hết thảy những gì học được suốt 12 năm qua. Những thứ này là gì? Là sở tri chướng. Quý vị học nhiều thứ như thế là sở tri chướng. Buông bỏ phiền não chướng, buông bỏ sở tri chướng, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Những điều đã học được không thể không buông bỏ.

Tôi vừa mới nói với quý vị, các nhà khoa học rất đáng nể, họ dùng kỹ thuật máy móc của khoa học, quan sát được biên duyên của vũ trụ, quan sát được lượng tử. Lượng tử trong kinh Phật gọi là cực vi chi vi, nếu họ không buông bỏ thành tựu này thì không thể kiến tánh. Đó gọi là sở tri, sở tri chướng, chướng ngại ta minh tâm kiến tánh. Buông bỏ những thứ này, họ liền thành Phật. Họ đoạn phiền não chướng từ lâu, sở tri chướng khó đoạn. “Bát nhã vô tri, vô sở bất tri”, không phải học nhiều thứ thì biết tất cả, không phải.

Lúc Khổng phu tử còn tại thế, có người nói ông có trí tuệ như thế, có biện tài như thế, nhất định ông học rất nhiều thứ, đọc rất nhiều sách. Khổng tử nói không có, tôi không học nhiều cũng không đọc nhiều: “Ngô đạo nhất dĩ quán chi”. Nhất ở đây nghĩa là gì? Phật pháp gọi là nhất tâm, trong Kinh Di Đà gọi là nhất tâm bất loạn, trên thực tế chính là thành kính_chân thành, cung kính. Người ta hỏi gì, đều do trí tuệ trong tự tánh ứng đối, không phải học được. Tất cả pháp thế xuất thế gian đều do tự tánh biến hiện ra, khi đã kiến tánh có điều gì không biết, điều gì không thấu triệt? Kiến tánh là minh bạch hoàn toàn, nhất dĩ quán chi, nhất tâm quan trọng biết bao!

Vì thế khi học tập ta chỉ nên học một bộ kinh, nhất môn thâm nhập, đó là phương pháp. Chỉ có nhất mới tương ưng với nhất tâm, quá nhiều không tương ưng với nhất tâm. Quá nhiều biến thành tri thức, một môn trở thành trí tuệ, không giống nhau!

Đức Phật mở ra tám vạn bốn ngàn pháp môn, không phải dạy ta học hết, như vậy thì học đến ngu người. Học như vậy là sai, không hiểu nghĩa chân thật của Như Lai. Tám vạn bốn ngàn pháp môn là nói thế gian có tám vạn người căn tánh khác nhau, nghĩa là như thế. Mỗi người mắc bệnh khác nhau, tùy bệnh cho thuốc, thuốc đến bệnh trừ, bệnh lành ngay. Bệnh mỗi người không giống nhau, phương thuốc sao giống nhau được? Đây gọi là tám vạn bốn ngàn pháp môn. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, nếu

muốn lành bệnh chỉ có thể dùng một loại thuốc là trị lành. Nếu dùng nhiều loại thuốc, đã mất mạng từ lâu, chết vì trúng độc. Phật pháp cũng là độc dược, cần phải biết điều này. Học Phật nếu học sai pháp môn chính là độc dược, đoạn mất pháp thân huệ mạng của mình, phải biết điều này. Như trong tiệm thuốc vậy, thuốc đều là thuốc tốt, nhưng nếu uống hết thì chết là điều đương nhiên. Quý vị đến tiệm thuốc bắc, tùy tiện mua ba bốn mươi loại về uống, thử xem có còn mạng chẳng. Bởi vậy bác sĩ cho thuốc, ta bị bệnh gì nên dùng thuốc ra sao, không được dùng sai. Phân lượng phải thích hợp, không được ít cũng không được nhiều, chúng ta có thường thức này. Phật pháp cũng như thế, là pháp dược đối trị tập khí phiền não của chúng ta. Kinh Kim Cang nói rất hay: “Pháp môn bình đẳng, không có cao thấp”, những lời này đều là trước đây đại sư Chương Gia nói với tôi, không được coi nhẹ bất kỳ pháp môn nào.

Chúng ta học Kinh Hoa Nghiêm, 53 lần tham bái của Thiện Tài Đồng Tử. Pháp môn tu học của 53 vị thiện tri thức đều khác nhau, Thiện tài đối đãi bằng tâm như thế nào? Tâm chân thành cung kính. Pháp môn nào cũng nghe, nhưng không phải pháp môn nào cũng học. Pháp môn nào cũng nghe nghĩa là sao? Pháp môn nào ta cũng biết. Thiện Tài học pháp môn gì? Pháp môn niệm Phật. Quý vị thấy ngài học với người thứ nhất, người đầu tiên người xưa gọi là: “vào trước làm chủ”. Người Ấn độ cũng như vậy, vào trước làm chủ. Vị thiện tri thức đầu tiên là tỳ kheo Kiết Tường Vân, Bát Thập Hoa Nghiêm gọi là tỳ kheo Đức Vân. Tu Ban châu tam muội, chuyên niệm Phật A Di Đà cầu sanh Tịnh độ. Tỳ kheo Kiết Tường Vân nói pháp cho ngài, nói về 21 loại pháp môn niệm Phật. Triển khai 21 loại pháp môn niệm Phật này, chính là tám vạn bốn ngàn pháp môn. Cho nên Kinh Hoa Nghiêm nói, một là tất cả, tất cả là một, chủ bạn viên dung.

Đối với pháp môn niệm Phật mà nói, niệm Phật là chủ, tám vạn bốn ngàn pháp môn là bạn. Thiên tông, thiên là chủ, pháp môn Tịnh độ là bạn. Cho nên chủ không có độc nhất, một trong hai, bất kỳ pháp môn nào đều có thể làm chủ, ngoài ra đều là bạn, chủ bạn là bình đẳng. Như khai hội vậy, chủ tịch chỉ có một, không phải là nhất định người nào đó làm chủ tịch. Thay đổi thường xuyên, và thay đổi bất kỳ lúc nào. Mỗi người đều là chủ, mỗi người đều là bạn. Đây là sự vi diệu tột cùng của Phật pháp đại thừa, viên dung tự tại, viên dung vô ngại. Không thể không biết những đạo lý này. Nếu học chúng ta phải nỗ lực vun bồi thiện căn, không tu từ thiện căn, cho dù dùng nhiều thời gian, nhiều tinh thần cũng không có hiệu quả.

Chúng tôi học Phật bao nhiêu năm nay, đi khắp các quốc gia trên thế giới, thấy những người học Phật. Tại gia không thực hành Thập Thiện Nghiệp, không có thiện căn, người xuất gia không thực hành Sa Di Luật Nghi. Quý vị hỏi vì sao ngày nay Phật giáo suy yếu như vậy? Nguyên nhân là không có nền tảng. Giống như cây cối vậy, rễ bị hư hoại rồi. Tuy cây vẫn còn, nhưng có thể ngã xuống bất kỳ lúc nào, vì gốc không vững chắc, phải làm sao đây?

Những năm gần đây, tôi luôn đi khắp nơi khuyến khích, hy vọng mọi người coi trọng nền tảng. Tuyệt đối đừng phân biệt Đệ Tử quy là của Nho giáo, tôi học nó làm gì? Cảm Ứng Thiên là của Đạo Giáo, như vậy là sai lầm. Giáo lý đại thừa không có ta và người, có ta có người là có đôi lập, đó là biên kiến, không ra khỏi luân hồi lục đạo.

Chúng ta tu Tịnh độ, nguyên tắc chỉ đạo cao nhất của Tịnh độ, là Tịnh Nghiệp Tam Phước trong Quán Kinh nói. Câu đầu tiên trong Tịnh Nghiệp Tam Phước là hiếu dưỡng cha mẹ, câu thứ hai phụng sự sư trưởng. Làm thế nào thực hành hai câu này? Trong kinh điển tiểu thừa nói rất nhiều, phân lượng rất nhiều, ta có thời gian để xem chẳng? Nho giáo đã quy nạp vấn đề này, 113 điều này chính là nền tảng của Phật giáo. Đệ Tử Quy chính là thực hành hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, quý vị có thể không học ư?

“Từ tâm bất sát”, thực hành ở Cảm Ứng Thiên của Đạo giáo, trong Cảm Ứng Thiên nói hơn 190 vấn đề về quả báo thiện ác, giáo dục nhân quả. Đệ Tử Quy là giáo dục luân lý đạo đức, có nền tảng này, Thập Thiện Nghiệp ở sau sẽ thiết thực hơn, tiếp tục tu Thập Thiện Nghiệp. Nếu không có nền tảng của Nho và Đạo, không thể học được Thập Thiện Nghiệp. Học như thế nào? Học tiểu thừa, được, triển khai Thập Thiện Nghiệp là 3000 oai nghi, đại thừa triển khai là tám vạn bốn ngàn tế hạnh. Sau đó ta thử nghĩ lại, triển khai Đệ Tử Quy phải chẳng là tám vạn bốn ngàn tế hạnh? Đúng vậy. Triển khai Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, là 3000 oai nghi ư? Đúng thế, trong Phật pháp một là tất cả, tất cả là một. Không nói một tức là cả, ngoại trừ Nho và Đạo giáo, không nói như vậy. Không những không nói như vậy, mà hết thầy Tôn giáo của thế gian đều không bài xích, vậy mới đúng. Tất cả pháp không lìa tự tánh. Cơ đốc giáo có lìa tự tánh chẳng? Không có, Thiên chúa giáo cũng không lìa tự tánh. Phật không lìa tự tánh, ma cũng không lìa tự tánh. Trong giáo lý đại thừa không có Phật cũng không có ma, giác ngộ tức là Phật, mê chính là ma. Phật và ma là ai, ở đâu? Ở trong tâm ta, tâm ta nhất niệm giác là Phật xuất thế, nhất niệm mê ma liền đến. Chúng ta học Phật, muốn thành tựu ngay trong đời này, muốn vãng sanh ngay trong đời này, ta không thể không có nền tảng, tuyệt đối không được lơ là nền tảng giáo dục.

Chúng ta xem tiếp bên dưới. “Thiện có thể sanh diệu quả, sanh dư thiện, nên gọi là căn”. Thiện có thể sanh diệu quả, diệu quả tức là thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc thuần tịnh thuần thiện, tâm hiện thức biến, nó xuất hiện như thế. Nếu tâm ta bất thiện, hành vi bất thiện, làm sao đến đó được!

Bộ Kinh Vô Lượng Thọ này, chính là Phật A Di Đà phương tiện tiếp dẫn lục đạo chúng sanh trong tất cả cõi nước Chư Phật, khắp biến pháp giới hư không giới. Phật dùng kinh này để dẫn dắt, chúng ta học kinh này phải suy nghĩ tường tận. Trong kinh này nói, điều gì ta làm được, điều gì chưa làm được? Kinh văn nào tương ứng với tâm

hành chúng ta, kinh văn nào không tương ứng? Tương ứng thì duy trì, không tương ứng phải thay đổi, đây gọi là tu hành chơn chánh.

“Miệng niệm Di Đà tâm tán loạn”, cổ nhân chế giễu chúng ta, “hét khản cổ họng chỉ uống công”. Phải biết rằng, miệng niệm Di Đà tâm là Di Đà, tâm phải thiện mới được. Trong tâm không có Phật Di Đà, miệng niệm Di Đà cũng vô ích, không thể không biết điều này. Tuy nói pháp môn này vạn người tu vạn người vãng sanh, không sai, đại sư Thiện Đạo nói như thế.

Lúc tôi ở Đài Trung, thầy Lý nói với tôi, thầy không nói ai khác mà nói liên xã ở Đài Trung, liên hữu của chúng ta. Liên hữu rất nhiều, nhưng thật sự vãng sanh chỉ hai ba phần vạn. Trong liên hữu, một vạn người niệm Phật chỉ có hai ba người vãng sanh. Nguyên nhân là gì? Thiện căn rất quan trọng. Có thiện căn không ai không vãng sanh, không có thiện căn thì trong đời này chỉ trồng hạt giống vào A lại da thức. Có lợi, không phải không có lợi, nhưng đời này không thể vãng sanh, vẫn tiếp tục trôi lăn trong luân hồi, phải hiểu đạo lý này.

Họ có thể sanh diệu quả, có thể sanh dư thiện, nghĩa là tất cả thiện pháp thế xuất thế gian, đều từ thiện căn sanh ra. Quý vị xem thiện căn quan trọng biết bao, có thể không tu ư? Trong giáo lý đại thừa nói về ba thiện căn, không tham, không sân, không si, ý này rất thâm sâu. Không những không tham pháp thế gian, cũng không tham pháp xuất thế gian. Là muốn ta đoạn căn bất thiện, không phải bắt ta đối đối tượng, đối đối tượng là sai. Nói cho quý vị biết, Phật không có pháp, Phật pháp là giả không phải thật. Tất cả pháp Phật nói gọi là pháp phương tiện. Chân thật thì sao? Chân thật không nói ra được, gọi là “ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt”, đó là chân thật. Nhưng thứ không thật này có thể dẫn dắt ta đến chân thật, cho nên cái giả này cũng rất hữu ích. Khi hiểu được cái giả này liền buông bỏ nó, chân thật lập tức hiện ra. Không buông được thì sao? Không buông được thì vĩnh viễn là giả.

Không phải Kinh Kim Cang nói qua sông ư? Gọi là Phiệt dụ giả. Chúng ta nói phiệt, người ta không hiểu, là thuyền đó, qua sông bằng thuyền. Qua sông bằng thuyền, thuyền chính là Phật pháp, công cụ. Đến nơi ta phải lên bờ, cứ ở trên thuyền không rời bỏ nó, như vậy mãi mãi không lên bờ được. Đến được bờ, thuyền không cần nữa. “Pháp còn phải bỏ” xả bỏ, “huống gì phi pháp”, như vậy mới lên bờ được. Bởi thế Phật pháp sao có thể chấp trước? Phật pháp sao có thể chiếm hữu? Không thể.

Tôi từng gặp người đối với Phật pháp rất chấp trước, chấp trước điều gì? Chấp trước kinh sách, cất giữ kinh sách như của báu, phòng sách của ông ta không phải ai cũng vào được. Khi tôi đến thăm, ông ta mới mở ra cho tôi xem, cất giữ bản gỗ rất quý. Bản thời nhà Đường, bản thời nhà Tống, bản quý. Sau khi vị này chết đi về đâu, quý vị có biết chăng? Làm sâu mọt trong sách. Ông tham ái số sách đó, không buông bỏ được, sau khi chết đầu thai làm con mọt trong sách, quý vị nói có đáng sợ chăng!

Còn có người thích tượng Phật, ngày xưa tượng Phật điêu khắc bằng gỗ, đều dùng chất liệu gỗ tốt, rồi giát vàng lên tượng Phật. Tượng Phật bị chuột gặm hư, chuột làm tổ trong tượng Phật. Người sưu tầm tượng Phật, người yêu thích tượng Phật, sau khi chết biến thành chuột trong bụng tượng Phật. Con người đầu thai vào cõi nào, ai quyết định? Là sự yêu thích của chính mình, chính là sự chấp trước kiên cố của chính mình, họ đầu thai vào đó.

Bởi vậy Đức Phật Thích Ca Mâu Ni rất cao siêu, khi ngài còn tại thế không kiến lập đạo tràng, cũng không thờ tượng Phật. Mỗi ngày ngủ dưới gốc cây, nên nhớ mỗi gốc cây chỉ được ngủ một đêm, ngày thứ hai dọn đến nơi khác, sợ ta tham luyến gốc cây này. Tham luyến gốc cây này rất phiền phức, sau khi chết, dưới gốc cây này có kiến, chính là họ biến thành, thứ này rất đáng ghét! Đức Phật làm tấm gương tốt cho chúng ta, phải hiểu dụng ý của ngài, hiểu khổ tâm của ngài. Từ chỗ này ta lãnh hội được từ bi vô tận của Phật, yêu thương đối với thế nhân, thị hiện đối với thế nhân chu đáo vô cùng.

Tôi theo đại sư Chương Gia ba năm, thầy thường căn dặn phải học Phật, phải học Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, như vậy mới đúng. Ngài đã làm tấm gương tốt nhất cho chúng ta, tuyên thuyết kinh điển về Tịnh độ cho chúng ta. Ngày nay chúng ta gặp được bản hội tập hoàn mỹ nhất mà mấy ngàn năm, chúng ta muốn đạt được, cuối cùng đã hoàn thành trong tay cư sĩ Hạ Liên Cư. Có thể nói chúng ta là người đầu tiên đạt được, không hề đơn giản, đây là Phật Bồ Tát sắp xếp.

Cư sĩ Hoàng Niệm Tổ là đệ tử truyền pháp của Hạ Liên Cư, cũng chỉ có một mình ông. Chúng tôi có duyên gặp được, có duyên thỉnh giáo. Ông lớn hơn tôi khoảng mười tuổi, tôi vốn tưởng rằng ông không còn trẻ, không ngờ khi gặp mặt ông không già lắm, lớn hơn tôi 10 tuổi. Thầy Lý hơn tôi 39 tuổi, hơn tôi 30 tuổi là thuộc hàng tổ phụ. Đầu tiên tôi vốn tưởng rằng cư sĩ Hoàng Niệm Tổ tuổi xấp xỉ với thầy Lý, rốt cuộc nhỏ hơn rất nhiều, khi gặp mặt mới biết.

Bởi vậy năng sanh dư thiện, bên dưới là nói cụ thể với chúng ta, diệu quả là gì? “Đều được sức kiên cố của kim cương na la diên thân”, đây là diệu quả. Sanh đến thế giới tây phương Cực Lạc, là kim cương na la diên thân. Thân có vô lượng tướng, tướng có vô lượng vẻ đẹp như ở trước đã học, tuyệt đối không chỉ 32 tướng tốt 80 vẻ đẹp, thiện căn có thể sanh diệu quả. Cho nên ta nhất định phải hiểu, chúng ta ở thế gian này thọ mạng không dài, phải siêng năng nỗ lực tu thiện căn. Đến thế giới Cực Lạc là thiện quả trang nghiêm. Nếu ta thật sự tu là nắm chắc chuyện vãng sanh, rất nhiều người không chắc chắn vãng sanh. Cầu điều này giúp, cầu điều kia giúp đều không chắc chắn, cầu chính mình đáng tin nhất. Cầu chính mình việc gì? Khi vãng sanh tự tại, biết trước giờ chết, không sanh bệnh, đứng vãng sanh, ngồi vãng sanh. Người giảng kinh vãng sanh trên bục giảng, giảng kinh xong cáo từ mọi người, tôi

phải đi đây, tự tại biết bao! Cầu chính mình mới là đáng tin cậy nhất, dựa người khác không đáng tin. Trong kinh Đức Phật thường nói, cha con lên núi mỗi người tự nỗ lực, không ai giúp được ai, đây là lời nói thật. Nhưng niệm Phật lâm chung là nhân duyên, khi gặp chúng ta kết duyên với họ, giúp họ một tay. Họ có thiện căn chắc chắn vắng sanh, nếu không có thiện căn cũng trồng được thiện căn. Đời này không thể thành tựu, đời sau kiếp sau gặp được Tịnh độ họ sẽ thành tựu, tất cả đều là việc tốt, đây là nguyện thứ 32.

Bên dưới là Hoàng Niệm Lão giải thích cho chúng ta: “Trích dẫn của pháp sư Cảnh Hưng, gọi là nguyện thân được kiên cố”. Kim cang, tiếng Phạn là bạt chiết la, hoặc là nói phạt chiết la, đây là dịch âm không giống nhau, nghĩa gần nhau. Đây là âm tiếng Phạn, dịch sang tiếng Trung nghĩa là kim cang.

Trong quyển thứ năm của Tam Tạng Pháp Số nói: “Trong kim cứng nhất, cho nên gọi là kim cang”. Kim là kim loại, không phải chỉ vàng, là kim loại. Là vật cứng nhất trong kim loại, cang là cứng. Cứng nhất gọi là kim cang. Quyển 41 của Đại Tạng Pháp Số nói: “tiếng Phạn là bạt chiết la, tiếng Hoa gọi là kim cang. Bảo này xuất phát từ trong kim thuộc, màu sắc như tử anh, tôi luyện nhiều lần cũng không hư. Cứng và sắc vô cùng, có thể cắt ngọc, là vật hy hữu của thế gian, cho nên gọi là bảo”. Trong ngoặc đơn nói: “Tức đá kim cương, thường gọi là tán thạch”, đây là nhãn kim cang, tán thạch. Độ cứng lớn nhất. Đây là một loại trong bảo thạch, hiện nay là thứ trị giá cao nhất trong loại châu bảo, nó rất cứng. Cho nên thông thường dùng để cắt thủy tinh, cắt ngọc, dùng nó làm công cụ.

Từ điểm này khiến ta lãnh hội được, ở thế giới Cực lạc, thân thể chúng ta đạt được là thân kim cang bất hoại, đây là nói thể chất. Tướng hảo càng tốt đẹp không thể tả được, vô lượng quang, vô lượng thọ, đây là thân thể thật sự của chúng ta, kim cang bất hoại thân. Thân thể này của chúng ta rất yếu đuối, thân này từ đâu mà có? Từ phiền não, vọng tưởng. Ở thế giới Cực Lạc thân tướng ta đạt được không phải từ vọng tưởng, mà từ trong thanh tịnh bình đẳng giác hiển lộ ra. Đồng thời được 48 nguyện của Phật A Di Đà gia trì, thù thắng vô cùng, mười phương thế giới không tìm thấy.

Chúng ta hiểu được đạo lý này, hiểu rõ chân tướng sự thật, lòng cảm ân đối với Phật A Di Đà tự nhiên sanh khởi. Mới thật sự lãnh hội được, từ bi của Phật Di Đà đạt đến tột cùng. Cổ nhân nói: “Chỉ ư chí thiện”, bốn chữ này dùng ở thế giới tây phương Cực Lạc rất thích hợp, dùng ở nơi khác là lời tán thán, chưa chắc là sự thật. Mọi sự vật ở thế giới tây phương Cực Lạc, đều có thể nói là chỉ ư chí thiện. Thiện đến tột cùng, đến cứu cánh viên mãn.

“Lại Kim cang là tên gọi tắt của chày kim cang”. Chày kim cang là binh khí, vũ khí. “Những thứ tay thần kim cang nắm”, Kinh Đại Nhật, Kinh Đại Nhật là kinh điển căn bản của Mật Tông, trong này có giải thích: “Phạt chiết la tức là chày kim cang,

vốn là bình khí của Ấn độ, Mật tông lấy nó để tượng trưng trí tuệ sắc bén”. Câu này rất quan trọng, trong Phật pháp nhất định phải hiểu ý nghĩa biểu trưng của nó, biểu trưng điều gì? Biểu trưng cho trí tuệ, trí tuệ giống như chày kim cương vậy, có thể phá tất cả bình khí, tất cả bình khí không thể phá hoại chày kim cương. Đây biểu thị điều gì? Tự tánh đầy đủ trí tuệ bát nhã, có thể đoạn tất cả phiền não của thế xuất thế gian. Thế gian này có phiền não, xuất thế gian nào có phiền não chăng? Có. Xuất thế gian, thế ở đây là lục đạo, sau khi ra khỏi lục đạo có Thanh văn pháp giới, Duyên giác pháp giới, Bồ Tát pháp giới, Phật pháp giới. Tứ pháp giới này gọi là xuất thế gian, họ có khởi tâm động niệm nhưng không có chấp trước, họ không có chấp trước. Do đây có thể biết, chấp trước là điều phiền phức nhất, không chấp trước sẽ ra khỏi lục đạo, lục đạo không còn. Không có vọng tưởng phân biệt, họ sẽ vượt thoát mười pháp giới, vượt thoát mười pháp giới mới gọi là viên mãn, mới gọi là cứu cánh viên mãn. Pháp giới đó gọi là nhất chân pháp giới, vì sao vậy? Vì nó vĩnh hằng bất biến, vì sao bất biến? Vì nó không có tâm ý thức. Đức Phật nói rất hay, có thể hiện cảnh giới là tâm, chân tâm, tự tánh. Cảnh giới do tâm tánh hiện nó không thay đổi, thay đổi là gì? Là phân biệt chấp trước, có phân biệt chấp trước sẽ thay đổi. Tứ thánh pháp giới trong mười pháp giới ít phân biệt chấp trước, họ biến hóa không lớn. Trong lục đạo chấp trước rất nghiêm trọng, cho nên biến hóa rất lớn. Mỗi ý niệm đều không giống nhau, niệm niệm không tương đồng, nhiễm tịnh và thiện ác đều hỗn tạp với nhau. Trong thiện có ác, trong ác có thiện. Trong tịnh có nhiễm, trong nhiễm có tịnh. Đây là hiện tượng trong luân hồi lục đạo, không thể không biết điều này.

Biết mới tâm bình khí hòa để đối đãi, không hề có chút nông nổi nào, hoàn toàn dùng trí tuệ, không dùng phiền não. Dùng phiền não tạo tội nghiệp, dùng trí tuệ độ phiền não, độ ai? Độ chính mình, người muốn độ chúng sanh trước phải độ mình. Thân thể chúng ta là do chúng duyên hòa hợp mà sanh ra, là chúng sanh. Ý niệm chúng ta cũng là chúng duyên hòa hợp mà sanh khởi, tất cả là chúng sanh. Đây là tượng trưng kim cương, đa phần là tượng trưng trí tuệ. Trước đây chúng ta học Kinh Kim Cương nói rất rõ ràng, Kim Cương Bát Nhã.

Bên dưới, trong Nhân Vương Kinh Niệm Tụng Nghi Quỹ thượng. Thượng là quyền thượng, nó có hai quyền thượng hạ. “Tay cầm chày kim cương”, đây chính là thần kim cương, trên tay cầm chày kim cương nghĩa là sao? Tượng trưng chánh trí, không phải tà trí tuệ, tự tánh vốn đầy đủ trí tuệ bát nhã. Cho nên Phật pháp, nếu ta hiểu được sự cao siêu của nó thì không thể không khâm phục.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dạy học, người hiện nay nói ngài hiểu nghệ thuật. Đây là Thế Tôn biểu hiện ra trí tuệ vô cùng thù thắng, trong Phật pháp gọi là biểu pháp, đặc biệt là Mật tông, Mật tông là Thế Tôn đối với những tôn giáo cổ lão đương thời của Ấn độ, một số thần minh mà họ sùng bái. Quý vị thấy Phật không phá hoại họ,

không bài xích họ, ngài đưa họ vào một ý nghĩa đều biến thành Phật Bồ Tát, quả là cao siêu. Đồng nghĩa nói ngài thu nhận tất cả, đều là người một nhà.

Trong hiền giáo, rõ ràng nhất, quý vị đến đạo tràng Phật giáo, vừa bước vào sơn môn đều nhìn thấy tứ đại Thiên Vương. Tứ đại Thiên Vương là trong tôn giáo ngày xưa của Ấn độ, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã mời họ đến, mời đến làm gì? Để giúp ngài dạy học, mời họ làm thầy giáo. Đức Phật làm hiệu trưởng, mời họ đến làm giáo viên, đặt trước cửa lớn, tứ đại Kim Cang. Gọi là tứ đại Kim Cang, Kim cang chính là minh vương.

Phương đông, Đức Phật đặt cho họ cái tên là Trì Quốc Thiên Vương. Trì là bảo trì, quốc là quốc gia, biến thành thần thủ hộ của quốc gia. Họ dùng phương pháp gì để thủ hộ? Trên tay họ cầm cây tỳ bà, tỳ bà là nhạc khí. Tượng trưng điều gì? Tượng trưng trí tuệ trung đạo. Quý vị xem dây đàn không căng đàn nó không kêu, quá căng nó lại đứt. Nhất định phải điều chỉnh vừa phải, thích hợp, âm sắc mới hay được, tượng trưng đạo trung dung như người xưa nói. Trong Phật pháp gọi là trung đạo, dùng chữ trung.

Chữ hán dưới chữ trung lại thêm chữ tâm, ý nghĩa càng sâu sắc hơn. Trung tượng trưng điều gì? Quý vị xem ý nghĩa của nó, sẽ lãnh hội được cách tạo chữ của cổ nhân. Tâm không lệch không tà, không mê không hoặc, như thế mới gọi là trung. Trung là chân tâm, trung là chí thành, tượng trưng ý này. Tỳ bà tượng trưng ý nghĩa này. Nếu ta dùng trung thứ có thể trị quốc, có thể bình thiên hạ. Chỉ có trung mới có thể dùng thứ, không có trung sẽ không thể dùng thứ. Đạo lý này thâm sâu biết bao!

Đây đều là thần trong Tôn giáo Ấn độ ngày xưa, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni mời đến dạy chúng ta. Đặt tên, và giải thích thêm cho chúng ta hiểu.

Phương nam Tăng Trưởng Thiên Vương. Tăng trưởng là gì? Ngày nay coi trọng sự tiến bộ, ngày càng mới, lấy ý này, phải không ngừng tiến bộ. Quý vị xem tượng trưng của sự tiến bộ là cây kiếm, kiếm tức là kiếm trí tuệ, chúng ta nói: “đao nhanh chém điều phiền phức”, lấy ý này. Duy chỉ có trí tuệ mới nâng cao đức hạnh, năng lực, tài nghệ của chính mình, mới giúp ta ngày càng tiến lên, không có trí tuệ không được.

Vị thứ ba là phương tây Quảng Mục Thiên Vương. Phương bắc Đa Văn Thiên Vương. Nghĩa là nói dùng phương pháp gì để hoàn thành hai nhiệm vụ ở trước, một là hộ quốc, hai là tăng trưởng. Giúp chúng ta ngày ngày cầu tiến bộ, ngày ngày càng đi lên. Hai vị thiên vương ở sau là thấy nhiều nghe nhiều, Quảng Mục nghĩa là thấy nhiều, Đa Văn là nghe nhiều. Thấy nhiều, trên tay Quảng Mục Thiên Vương cầm là ròng, hoặc là rắn. Ròng và rắn tượng trưng sự biến hóa, nhân tâm biến hóa đa đoan, nhân sự biến hóa khôn lường. Bất luận biến hóa như thế nào, họ vẫn có điều bất biến, tay trái cầm châu ngọc, châu ngọc đó là bất biến. Lấy bất biến ứng vạn biến, bất biến

đó là gì? Là nhân nghĩa, vĩnh viễn không thể thay đổi. Nhân tức là từ bi, nghĩa là khởi tâm động niệm hợp tình hợp lý hợp pháp gọi là nghĩa. Nắm vững nguyên tắc này, là có thể ứng hóa được thế gian biến hóa đa dạng, nhân sự thiên biến vạn hóa này.

Sau cùng là phương bắc Đa Văn Thiên Vương tay cầm cây dù. Dù nghĩa là gì? Ngày nay nói đến môi trường, phòng chỉ ô nhiễm. Ngày xưa tức là cây dù, đi ra đường cầm dù che. Dù để làm gì? Một mặt che nắng, một mặt che bụi, phòng chỉ nhiễm ô. Vì cổ nhân mang áo quần, làm quan, gia đình phú quý đều dệt bằng vải lụa trơn láng. Họ sợ bụi dơ, cho nên dùng dù che, coi trọng môi trường. Nói đến môi trường, đầu tiên là làm sao để giữ môi trường tâm lý, vì môi trường nó chính là thanh tịnh. Chúng ta học Phật, tâm thanh tịnh đặt lên hàng đầu, thân tâm phải thanh tịnh.

Tứ Đại Thiên Vương mời đến từ Thần Đạo giáo, đặt trong Tứ Vương Điện, quý vị xem khởi tác dụng dạy học rất lớn, Phật giáo là dạy học, đó là nghệ thuật dạy học. Khi hiểu được vấn đề này, nó hoàn toàn không phải mê tín. Người bây giờ không hiểu, cho rằng đây là đa thần giáo, lạy thần minh, quý vị nói có oan uổng chẳng! Ý tốt của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, bị người đời sau khởi lên rất nhiều ngộ nhận, gây cho bậc thầy nhiều sự sỉ nhục, quý vị có thể sống tốt được chẳng?

Ở giữa thờ Phật Di Lặc, Phật Di Lặc là từ bi, đại từ đại bi. Tạc tượng ngài là hình tướng của Bồ Đại Hòa Thượng. Bồ Đại Hòa Thượng người nhà Tống, thời Tống Cao Tông, xuất hiện ở Phụng hóa Triết giang. Khi ngài ra đi tự nói với mọi người, ngài là Bồ Tát Di Lặc tái sanh, nói xong ngài ra đi. Quý vị xem tự tại biết bao, ngài đã vãng sanh, đây là thật. Nói ra chân tướng mà không đi là giả, nói ra mà đi là thật, ta vừa biết thân phận của ngài thì ngài không còn nữa. Cho nên tạo tượng Bồ Tát Di Lặc đều lấy hình tướng của Bồ Đại Hòa Thượng, không giống với Bồ Tát Di Lặc của tiểu thừa Ấn độ và Tây tạng. Bên đó họ tạc tượng đại khái rất tương tự với Quán Thế Âm Bồ Tát và Đại Thế Chí Bồ Tát, chỉ có ở Trung quốc tạo tượng Di Lặc giống với Bồ Đại Hòa Thượng, đây là nhân duyên đặc biệt.

Ý nghĩa biểu pháp của tượng này rất hay, Bồ Đại Hòa Thượng bụng rất lớn, biểu thị bụng lớn có thể dung, có thể bao dung, miệng lúc nào cũng mỉm cười. Quý vị thấy tượng ngài đặt ngay cửa sơn môn, vừa bước vào cửa liền nhìn thấy. Đập vào mắt đầu tiên là hình tượng của ngài, ngài vô cùng hoan hỷ nghênh đón ta. Chúng ta học Phật phải học Bồ Tát Di Lặc, đầu tiên là đối diện với ngài, phải học cách hoan hỷ như ngài, học bao dung như ngài, bằng không ta không vào được cửa Phật. Vào cửa Phật phải bao dung, vào cửa Phật phải hoan hỷ, phải rửa sạch sẽ phiền não tập khí của mình.

Trong Phật pháp mọi thứ đều là biểu pháp, đến kiến trúc cũng không ngoại lệ. Quý vị xem chánh điện, xem bên ngoài có hai tầng, hai tầng tượng trưng điều gì? Phật nói tất cả pháp không lìa hai nguyên tắc, chân tục nhị đế. Xem từ bên ngoài là chân tục nhị đế, bên trong là chân tục không hai, là nhất như. Bên trong một tầng, bên ngoài

hai tầng. Toàn là biểu pháp, toàn là trí tuệ. Nếu ta có thể thông triệt, có thể hiểu rõ tất cả, đến đó đi một vòng đã học được rất nhiều thứ. Khi bước vào tâm trôi nổi, bước ra tâm bình khí hòa. Không nói một câu nào, nhưng đều đã dạy tất cả. Ngày nay gọi đây là nghệ thuật hóa dạy học, Phật giáo làm được điều này, đã làm được từ mấy ngàn năm trước không phải bây giờ. Người bây giờ nói về nghệ thuật, không bằng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, còn kém quá xa.

Chày kim cang tượng trưng trí tuệ, tượng trưng chánh trí. “Do như kim cang”, chày có kim, có ngân, có đồng, có sắt. Còn có đá, có thủy tinh, có khỉ đà la mộc, cũng có dùng gỗ chế, đây là nói đến chủng loại chày. “Vô lượng chủng khác nhau”, hộ pháp kim cang trong Phật môn, Vi Đà Tôn Thiên Bồ Tát, trên tay cầm là chày kim cang.

“Chày của Đế Thích, là kim cang thành tựu”. Đây là nói trời Đế Thích và Đạo lợi thiên chủ, chúng ta gọi họ là Ngọc Hoàng Đại Đế. Phương tây có một vài Tôn giáo gọi họ là thiên thần, gọi là thượng đế, là thiên chủ, hầu như đa phần đều là trời Đạo lợi. “Lực sĩ chấp trì chày kim cang, gọi là chấp kim cang, gọi tắt là kim cang”. Đây là chỉ thần hộ pháp, ý nghĩa bao hàm trong này là hộ pháp rất quan trọng. Chúng tôi thường nói Phật pháp có thể phát triển rộng rãi ở thế gian hay không, gọi là chánh pháp cứu trú, phổ lợi trời người. Không phải người hoằng pháp làm chủ điều này, làm chủ là người hộ pháp. Cho nên tôi thường nói, công đức hộ pháp lớn hơn công đức hoằng pháp. Hộ pháp là hiệu trưởng, họ thành lập trường học, người hoằng pháp là giáo viên. Hiệu trưởng mời ta đến trường này dạy học, như vậy mới có thể phát triển những điều mình đã học. Nếu họ không thành lập trường họ không mời ta, ta không có chỗ để phát triển hoài bão của mình. Bởi vậy quốc gia khen thưởng, không khen thưởng giáo viên, mà khen thưởng hiệu trưởng. Trường quý vị giáo dục rất tốt, có công hiến cho xã hội, phải biết điều này.

Người hoằng pháp thì sao? Hoằng pháp mấy mươi năm sau trước đây tôi thường nói, chúng tôi học Phật pháp, trước 40 tuổi nhất định phải học thật tốt, 40 đến 60 phải hoằng pháp, phải làm giáo viên. Sau 60 tuổi, có thể làm trụ trì làm hộ pháp của chùa. Chúng ta phải biết, trụ trì là hộ pháp. Chấp sự, thầy tri sự, thầy duy na, thủ tọa hòa thượng đều là hộ pháp, giống như hiệu trưởng ở trường vậy. Trường giáo vụ, trường tổng vụ, trường huấn đạo, họ là hộ pháp. Địa vị của họ cao hơn người hoằng pháp, nhất định là sau khi người hoằng pháp nghỉ hưu trở thành hộ pháp. Họ mới tinh thông, họ mới hiểu được người hoằng pháp cần những gì, mới có thể làm tốt. Nếu như ta không biết gì cả, hoàn toàn không biết họ cần gì, vì thế hạn chế đủ thứ, khiến họ rất khổ! Người hoằng pháp bây giờ rất khổ, chịu rất nhiều uất ức, vì sao vậy? Vì người hộ pháp không hiểu, không chịu uất ức bản thân không thể thành tựu, đi theo con đường của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni không dễ đi, quá khó! Thầy chỉ là người chỉ đường, còn phải tự mình đi.

Tôi học Phật, có ba người thầy chỉ đường, chỉ rất sáng suốt, không có gì để nói. Con đường mình đi cũng phải có người hộ trì, nếu tôi không gặp quản trưởng Hàn, hôm nay tôi không phải là người giảng kinh. Lúc đó chỉ có hai con đường để đi, một là hoàn tục, con đường còn lại chính là nghe theo kiến nghị của trụ trì và tri sự nơi chùa tôi ở, là học nghi lễ Phật giáo. Chuyên tổ chức kinh sám, làm pháp hội. Việc này trong chùa rất hoan nghênh, giảng kinh trong chùa không hoan nghênh. Tôi bị ép đi theo con đường này, gặp được gia đình quản trưởng Hàn, người Đông bắc, có một chút tác phong hiệp nghĩa. Thấy tình hình của tôi như thế, họ đứng ra giúp đỡ, họ làm gì? Mời tôi đến nhà họ ở. Bà giúp tôi tìm giảng đường, thuê địa điểm, mượn địa điểm, cho nên thường thay địa điểm giảng kinh. Vì thuê một giảng đường, đại khái chỉ được hai ba tháng, thường xuyên thay địa điểm, nhưng giảng kinh không hề gián đoạn.

Trước đây thầy Lý nhắc nhở tôi, giảng kinh không được gián đoạn, gián đoạn sẽ thấy không quen, về sau dễ thoái tâm. Thầy đưa ra hai ví dụ, người đánh quyền luyện võ phải luyện hằng ngày, không luyện gân cốt cứng đơ. Người ca hát ngày ngày phải luyện thanh. Cũng vậy một vị giảng sư ngày ngày phải lên bục giảng, không có nơi giảng, nửa năm không giảng là xong, hoàn toàn xa lạ. Thầy dạy tôi điều này, phải chú ý, phải giảng thường xuyên. Thầy còn nói, giới hạn thấp nhất một tuần không được lên bục giảng dưới hai lần. Tôi hầu như ngày ngày đều ngồi trên bục giảng, 30 năm không hề gián đoạn, đây là công đức của cư sĩ Hàn Anh. Cũng chịu không ít uất ức, chúng tôi mới có thành tựu như hôm nay. 30 năm đặt nền tảng, không phải là việc đơn giản, không gặp được bà làm sao tôi có được như hôm nay? Không có. Sự hộ trì của bà, bà luôn nghe tôi giảng kinh, mỗi lần tôi giảng kinh bà nhất định đến nghe. Bà nhận thức được giá trị, hiểu thật sự, biết chúng tôi cần gì. Rất khó được, chồng và con của bà đều rất phối hợp, được một gia đình như thế ủng hộ. Không có chùa, ở trong nhà của bà, ít bị bên ngoài quấy nhiễu, như người một gia đình. Tôi ở nhà bà suốt 17 năm, không đơn giản. Về sau chúng tôi mới có một thư viện nhỏ, tôi mời bà làm quản trưởng.

Tôi thường nói với người khác, cuộc đời tôi không quản ba thứ, là không quản người, không quản việc, không quản tiền. Ba việc này đều do cư sĩ Hàn Anh quản lý, tôi chuyên môn đọc sách, giảng kinh, ngoài ra không nghe không hỏi, quả thật không dễ. Vì sao vậy? Thầy Lý nói, nếu ta nói không hay, người ta sẽ nhắc lại để cười cợt. Còn như giảng hay, người ta sẽ đổ ky, gây chướng ngại, nói lời thị phi, gặp phải tất cả những điều này. Không thể tránh khỏi, cổ kim trong ngoài đều không ngoại lệ, những chướng ngại và ma chướng này ta đều phải vượt qua. Thật sự thành tựu, có nghị lực, có quyết tâm, ở nhà mình cũng có thể thành tựu.

Lúc Đức Thế Tôn còn tại thế, ngài đem công việc hộ pháp giao phó cho các quốc vương đại thần, trưởng giả cư sĩ, điều này rất có đạo lý. Chỉ có họ mới có thực lực, quốc gia hộ trì không ai có thể nói gì. Thật sự thành lập vài Phật học viện, đào tạo một

số thầy giáo, một quốc gia có khoảng mười vị thầy giáo giỏi là quá tuyệt. Đặc biệt hiện nay, chúng ta có thể lợi dụng khoa học kỹ thuật cao, dùng vệ tinh để dạy học, dùng mạng internet dạy học. Tuy ít người, nhưng hiệu quả rất lớn. Đi theo con đường này là thầy Phương Đông Mỹ dạy cho tôi. Trước đây thầy nói với tôi, công cụ này rất hay, nếu dùng nó để dạy học hiệu quả rất cao, đưa Phật pháp vào trong gia đình của mỗi người. Lúc đó chúng tôi hiểu ý thầy, nhưng không dám nghĩ đến, việc này cần rất nhiều tiền, chúng tôi lấy đâu ra tiền đây? Cho nên vệ tinh và mạng internet của chúng ta hiện nay, đều là các cư sĩ tại gia cung cấp, do họ kinh doanh. Chúng tôi dùng mạng internet gần 20 năm nay, dùng vệ tinh cũng được tám chín năm. Tết nguyên đán năm 2003 bắt đầu phát sóng, thêm vài ngày nữa là năm 2011, đã được tám chín năm rồi, đoạn thời gian này ảnh hưởng rất lớn.

Liên quan đến kinh điển đại thừa, chúng ta y giáo tu hành. Đối với nghĩa lý của kinh, lãnh hội ngày càng sâu sắc, ngày càng rộng, hy vọng giảng thấu triệt bộ kinh này. Chúng tôi tin rằng, 9000 năm thời mạt pháp của Thế Tôn, chúng sanh được độ thành Phật đều nhờ bộ kinh này. Cũng vì thiên tai quá dồn dập, bộ kinh này được tất cả Chư Phật Như Lai hộ trì, long thiên thiện thần ủng hộ. Nơi có kinh điển, sẽ rất ít thiên tai xuất hiện, cho nên tôi chọn nơi này, để hoàn thành bộ kinh này. Sau đó chúng ta tiếp tục giảng Kinh Hoa Nghiêm.

Kinh Hoa Nghiêm tức là nói tường tận về Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh Vô Lượng Thọ là tinh hoa của Kinh Hoa Nghiêm. Các bậc cổ đức nói như vậy, là cư sĩ Bành Tế Thanh thời Càn Long nhà Thanh nói. Vị cư sĩ này rất đáng nể, là Bồ Tát hóa thân, thông tông thông giáo, hiển mật viên dung. Ông nói Kinh Vô Lượng Thọ là trung bản Hoa Nghiêm, Kinh A Di Đà là tiểu bản Hoa Nghiêm. Ba bộ kinh này là một bộ, Thế Tôn giới thiệu tường tận và sơ lược khác nhau. Nói tường tận là Hoa Nghiêm, lược thuyết là Kinh Vô Lượng Thọ, tiểu bản tiện lợi cho việc thọ trì hai thời khóa tụng. Một tức là ba, ba tức là một. Đến thời cận đại, thầy tôi là đại sư Chương Gia, cư sĩ Hạ Liên Cư, cư sĩ Hoàng Niệm Tổ đã chứng thực cho chúng tôi, cách nói này là chính xác.

Thần chấp kim cang tượng trưng hộ pháp, dùng kim cang bát nhã hộ trì. Quý vị nói ý nghĩa này thâm sâu biết bao, nó tượng trưng cho ý này.

“Thần Tông Ký nhị”, là quyển thứ hai nói: “Kim cang tức là lực sĩ theo hầu, tay cầm chày kim cang, cho nên lấy tên này”. Đây là những gì chúng tôi vừa mới nói, ý nghĩa biểu pháp của nó, là nhìn thấy thị vệ của Phật Bồ Tát, bảo vệ họ là thần kim cang, tay cầm chày kim cang. Nhìn thấy như vậy quý vị sẽ biết, là kim cang bát nhã hộ trì chánh pháp, không phải gì khác.

Bản thân chúng ta phải có trí tuệ bát nhã, trí tuệ bát nhã biểu hiện ở đâu? Lục ba la mật mà Bồ Tát đại thừa tu, biểu hiện ở năm độ trước, năm độ ở trước là sự. Biểu hiện ở chỗ buông bỏ, bố thí là buông bỏ. Biểu hiện trì giới, biểu hiện ở nhẫn nhục,

biểu hiện ở tinh tấn, biểu hiện ở thiền định. Thiền định chính là nhất tâm, tâm có chủ thể, không bị cảnh giới bên ngoài quấy nhiễu, không bị hoàn cảnh bên ngoài làm dao động, đó gọi là Thiền định. Thiền định không phải là ngồi xếp bằng quay mặt vào tường là tu định, hiểu như thế là sai lầm. Định như thế có lợi ích gì? Không có lợi ích. Thiền định là ứng phó sự việc, ứng phó vấn đề dù phức tạp đến đâu tâm vẫn như như bất động, thấy một cách rõ ràng minh bạch, đó là trí tuệ bát nhã, như như bất động là định công. Như vậy mới giải quyết được vấn đề, ta mới có năng lực hóa giải xung đột như thế gian hiện nay, mới có năng lực giúp xã hội khôi phục an định hòa bình.

Năm độ ở trước là nói về sự, độ thứ sáu là lý, là trí tuệ, trí tuệ hoàn toàn biểu hiện ở năm độ trước. Bồ thí, dùng của cải bồ thí, tiền ít nhất làm việc lớn nhất, việc lớn nhất là gì? Là cứu quốc gia, cứu dân tộc, cứu thế giới, cứu địa cầu. Phải có trí tuệ mới được, không có trí tuệ thì không thể. Nếu không biết dùng, bây giờ ta lấy mấy mươi ức, mấy trăm ức tạo một tượng Phật lớn, xây một ngôi chùa. Như vậy là chôn xuống đất, không khởi tác dụng, đem tiền chôn xuống đất.

Mấy mươi năm nay tôi thường nói, khi giảng kinh tôi thường hay nói đến. Đạo tràng của thế kỷ 21 không phải là tự viện, là đài truyền hình, là mạng internet, là vệ tinh, phải dùng phương pháp này để dạy học. Quan trọng nhất là đào tạo thầy giáo, những điều này đều không khó, đào tạo thầy giáo mới khó. Một vị thầy không đủ, ít nhất phải có mười người, không thể ít hơn, càng nhiều càng tốt. Nếu có được năm sáu mươi người, thế giới sẽ được cứu. Thầy giáo đều phải tu khổ hạnh.

Quý vị nói để tôi hộ pháp, tôi để cho thầy giáo sống tốt, ăn uống đầy đủ, mọi thứ đều tốt. Thầy giáo được cung phụng quá đầy đủ, về sau tâm đều thay đổi, đều biến thành tham sân si mạn. Quý vị quá tốt, quý vị đã khiến cho những thầy giáo này, họ vốn là Phật Bồ Tát, nay quý vị đưa họ vào trong luân hồi lục đạo. Thêm một chút công phu nữa, là đưa họ vào ba đường ác, điều này rất rất có thể!

Người biết cúng dường là phải để thầy giáo chịu khổ, phải để thầy giáo buông bỏ triệt để, không hề vương bận, một lòng vì đạo. Ở trong ngôi nhà nhỏ, đủ che nắng che mưa là được, ăn uống đơn giản, ngày ăn một bữa, nhiều nhất hai bữa. Hiện nay lương thực gặp nguy cơ, chúng ta có thể tiết kiệm một chút, đây là phương pháp chúng ta đối phó đối với nguy cơ lương thực.

Hiện nay buổi tối tôi không ăn, người ta hỏi tôi phải chăng thầy không ăn quá ngọ? Không phải vậy, vì sao? Vì nguy cơ lương thực, bây giờ tôi phải chuẩn bị. Khi nguy cơ lương thực thật sự bộc phát, tôi ăn ngày một bữa. Trước đây tôi ăn ngày một bữa suốt năm năm, thầy tôi cũng ngày ăn một bữa, thầy Lý ăn như vậy suốt đời. Khi tôi theo thầy học tập, 50 năm trước, sinh hoạt của thầy lúc đó, tiền sinh hoạt một tháng của thầy, tiền Đài Loan khoảng 60 đồng, tức một đồng rưỡi tiền Mỹ, là phí sinh hoạt của thầy. Thầy có thu nhập, vì thầy kiêm rất nhiều công việc, thu nhập hàng tháng của

thầy khoảng hơn 400 đồng, đãi ngộ rất tốt. Nhưng mỗi tháng thầy chỉ dùng hết 60 đồng, còn lại đều đem đi làm việc từ thiện, không cất giữ, làm gương tốt cho chúng ta. Tôi học theo thầy cũng ngày ăn một bữa, ăn được năm năm. Nhưng tôi ăn nhiều hơn thầy, thầy dùng ít hơn tôi. Một tháng tôi dùng hết 90 đồng, thầy chỉ cần 60 đồng, tôi không thể theo kịp thầy. Con người phải học cách chịu khổ.

Khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni diệt độ, dạy chúng ta hai điều, do tôn giả A Nan bạch Phật. Thứ nhất là lấy giới làm Thầy, phải tuân thủ giới luật, thứ hai là lấy khổ làm thầy, ngài dạy chúng ta hai câu này. Đệ tử chơn chánh của Phật phải trì giới, phải chịu khổ. Chịu khổ là sao? Là buông bỏ dục vọng. Không chịu khổ được tức là nâng cao dục vọng, tức người hiện đại gọi đây là nhà Phật học, là học giả Phật học. Thân phận như thế, không phải thật sự học Phật, là nghiên cứu Phật học.

Học Phật và Phật học là hai vấn đề trái ngược nhau, không tương đồng. Nghiên cứu kinh điển Phật pháp như một loại học vấn, vẫn thích danh vẫn lợi dưỡng, vẫn đắm chìm trong tham sân si mạn. Đây là Phật học, là pháp thế gian, không phải pháp xuất thế gian. Pháp xuất thế gian nhất định phải y giáo phụng hành theo phương pháp và lý luận trong kinh điển. Lý luận của Phật biến thành tư tưởng của mình, giáo huấn của Phật biến thành hành vi cuộc sống của mình. Đây gọi là học Phật chơn chánh, rất có lợi ích, không giống nhau!

Ta học Phật hay là Phật học bản thân phải thật thức rõ ràng, thật sự muốn học Phật ba nền tảng này không thể không vững. Không có ba nền tảng này, không có giới luật là ta đang nghiên cứu Phật học, cũng có thể lấy được học vị tiến sĩ. Trong xã hội này cũng có địa vị rất cao, giáo thọ nổi tiếng, trước tác rất nhiều. Lên bục giảng nói rất lưu loát, rất có thành tựu. Nhưng những gì đạt được là pháp thế gian, vẫn trôi lăn trong luân hồi lục đạo. Học Phật là vượt thoát luân hồi lục đạo, không giống nhau.

Phải chịu được cái khổ mà người khác không chịu được, phải chịu được cái nhục mà người khác không chịu được. Rèn luyện căn tánh mình mới có thể thành tựu.

Hết giờ rồi, hôm nay chúng ta học đến đây.

Hết tập 231